

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

Đường số 2, KCN Biên Hòa I, Đồng Nai

Mã số thuế : 3600869728

Mẫu số B 01 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 1 Năm 2013

Đơn vị tính : Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ Nay	Kỳ Trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	23.412.584.137	25.086.410.876
2. Các khoản giảm trừ	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		23.412.584.137	25.086.410.876
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	20.041.071.877	22.491.891.285
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		3.371.512.260	2.594.519.591
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	24.526.191	29.745.817
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.28	54.434.074	471.304.795
- Trong đó lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24		92.336.364	299.412.211
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.772.900.740	1.702.873.620
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		1.476.367.273	350.674.782
11. Thu nhập khác	31		400.000.000	
12. Chi phí khác	32		44.550.000	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		355.450.000	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.831.817.273	350.674.782
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	199.590.045	26.300.609
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		1.632.227.228	324.374.173
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Ngày 10 tháng 4 năm 2013

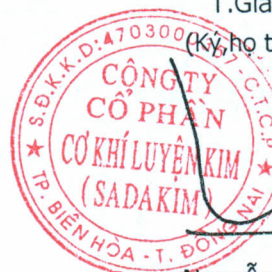
Người lập
(Ký, họ tên)

Đoàn Thị Thuỷ

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Đỗ Xuân Quang

T. Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Xuân Sơn

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)
Niên độ tài chính Quý 1 năm 2012

Mã số thuế: 3600896728

Người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

Đơn vị tiền: Đồng Việt nam

STT	CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1	1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.831.817.273	4.018.431.419
2	2. Điều chỉnh cho các khoản				
	- Khấu hao TSCĐ	02		551.615.317	2.347.178.783
	- Các khoản dự phòng	03			-
	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			4.752.220
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05			-
	- Chi phí lãi vay	06		54.434.074	794.960.974
3	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.437.866.664	7.165.323.396
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		95.186.995	(1.693.098.168)
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(6.192.342.459)	3.116.783.541
	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		3.950.817.347	140.981.936
	- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		204.985.800	(204.985.800)
	- Tiền lãi vay đã trả	13		(54.434.074)	(794.960.974)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(117.680.294)
	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		400.000.000	380.264.688
	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(918.378.979)	(946.512.811)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(76.298.706)	7.046.115.514
II	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(902.539.465)	(772.843.505)
2	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(902.539.465)	(772.843.505)
III	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		5.018.214.005	18.503.945.418
4	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.643.396.160)	(22.280.186.909)
5	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(3.640.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.374.817.845	(7.416.241.491)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		1.395.979.674	(1.142.969.482)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.157.502.615	3.305.224.317
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(4.752.220)
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		3.553.482.289	2.157.502.615

Lập biểu

Trương Thị Mỹ Dung

Kế toán trưởng

Đỗ Xuân Quang



Tổng giám đốc

Nguyễn Xuân Sơn